

Số: 1022/QĐ-LTT-TTGD

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 10 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Xét cấp học bổng khuyến khích học nghề Học kỳ I/2020-2021

Khóa: 2019 T4 – Trung cấp

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG LÝ TỰ TRỌNG TP. HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Quyết định số 621/QĐ-BGD&ĐT-TCCB ngày 03 tháng 02 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 1130/QĐ-LĐTBXH ngày 17 tháng 7 năm 2017 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc đổi tên Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng thành Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Thông tư số 46/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc ban hành Điều lệ trường cao đẳng;

Căn cứ Quyết định số 833/QĐ-LTT-TC ngày 12 tháng 8 năm 2020 của Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 70/2008/QĐ-BLĐTBXH ký ngày 30 tháng 12 năm 2008 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về học bổng khuyến khích học nghề đối với học sinh, sinh viên trong các trường chuyên, trường năng khiếu, các cơ sở giáo dục Đại học và Trung cấp chuyên nghiệp thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Quyết định số 1311/QĐ-LTT-KHTC ngày 09 tháng 11 năm 2020 của Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh về việc Ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2021;

Căn cứ vào điểm trung bình chung học tập và kết quả rèn luyện HKI/2020-2021;

Căn cứ vào Biên bản họp Hội đồng xét cấp học bổng khuyến khích học nghề Học kỳ I năm học 2020-2021 ngày 09 tháng 7 năm 2021;

Xét đề nghị của Trường phòng Thanh tra Giáo dục – Công tác Sinh viên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Xét cấp học bổng khuyến khích học nghề HKI/2020-2021 cho 50 sinh viên Khóa 2019 T4 – Trung cấp, đạt điểm chuẩn học bổng khuyến khích học nghề;

- Học bổng loại Xuất sắc có điểm TBCHT ≥ 9.34 và KQRL ≥ 100 = 01 SV;
- Học bổng loại Giỏi có điểm TBCHT ≥ 8.00 và KQRL ≥ 80 = 24 SV;
- Học bổng loại Khá có điểm TBCHT ≥ 8.00 và KQRL ≥ 70 = 20 SV;
- Học bổng loại Khá có điểm TBCHT ≥ 7.15 và KQRL ≥ 90 = 05 SV;

Tiêu chuẩn học bổng: Chỉ lấy điểm thi, kiểm tra hết môn học lần thứ nhất. Trong đó không có điểm thi, kiểm tra và tổng kết môn học < 5 , không có môn học lại, không bị kỷ luật từ mức khiển trách trở lên và kết quả rèn luyện từ khá trở lên trong học kỳ I (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Những sinh viên có tên trong danh sách được nhận 05 tháng học bổng theo quy định hiện hành và nhận trong HKII/2020-2021, với các mức học bổng như sau:

- Mức học bổng loại Xuất sắc = 500.000đ/tháng/SV;
- Mức học bổng loại Giỏi = 425.000đ/tháng/SV;
- Mức học bổng loại Khá = 250.000đ/tháng/SV;

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các Ông (Bà) Trưởng phòng, khoa, cổ vấn học tập và những sinh viên có tên trong danh sách chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./. 

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (để thực hiện);
- Ban Giám hiệu (để b/c) ;
- Lưu: VT, P.TTGD.



HIỆU TRƯỞNG 

Phạm Hữu Lộc

BẢNG THANH TOÁN HỌC BỔNG (SINH HOẠT PHÍ)

Học kỳ I năm học 2020-2021

Số TT	Họ và tên		Mã số	Lớp	ĐIỂM TBCHT	KQRL	Đối tượng	Mức học bổng (sinh hoạt phí)	Tổng số học bổng (sinh hoạt phí) được hưởng	Các khoản phải khấu trừ			Số còn được lĩnh	Ký nhận
												Tổng số		
A	B		C				D	1	4	5	6	7	8 = 4 - 7	E
1	Lại Gia	Bảo	19000644	19T4-CNÔ3	9,34	100	Xuất sắc	2.500.000	2.500.000				2.500.000	
	Cộng =		1										2.500.000	

Tổng số tiền (Viết bằng chữ: Hai triệu năm trăm ngàn đồng)

Người lập

Lê Xuân Thiện

Kế toán trưởng

Nguyễn Kính

Ngày 04 tháng 10 năm 2021

Thủ trưởng đơn vị



Phạm Hữu Lộc

BẢNG THANH TOÁN HỌC BỔNG (SINH HOẠT PHÍ)

Học kỳ I năm học 2020-2021

Số TT	Họ và tên		Mã số	Lớp	ĐIỂM TBCHT	KQRL	Đối tượng	Mức học bổng (sinh hoạt phí)	Tổng số học bổng (sinh hoạt phí) được hưởng	Các khoản phải khấu trừ			Số còn được lĩnh	Ký nhận
												Tổng số		
A	B		C				D	1	4	5	6	7	8 = 4 - 7	E
1	Nguyễn Trung	Hiếu	19003199	19T4-CĐT1	8,18	90	Giỏi	2.125.000	2.125.000				2.125.000	
2	Võ Huy	Hoàng	19002374	19T4-CĐT1	8,48	88	Giỏi	2.125.000	2.125.000				2.125.000	
3	Nguyễn Văn	Lưu	19001063	19T4-CĐT1	8,58	81	Giỏi	2.125.000	2.125.000				2.125.000	
4	Nguyễn Trung	Kiên	19001288	19T4-VSL1	8,13	90	Giỏi	2.125.000	2.125.000				2.125.000	
5	Văn Võ Chí	Dũng	19001097	19T4-LĐL1	8,51	80	Giỏi	2.125.000	2.125.000				2.125.000	
6	Nguyễn Thành	Nghĩa	19001653	19T4-CKC1	8,16	92	Giỏi	2.125.000	2.125.000				2.125.000	
7	Trần Quốc	Cường	19000637	19T4-CNÔ3	8,70	95	Giỏi	2.125.000	2.125.000				2.125.000	
8	Thái Đức Duy	Thanh	19000465	19T4-CNÔ3	8,72	100	Giỏi	2.125.000	2.125.000				2.125.000	
9	Lại Khắc Thạch	Thiên An	19000877	19T4-CNÔ4	8,90	88	Giỏi	2.125.000	2.125.000				2.125.000	
10	Nguyễn Cảnh	Vũ	19000719	19T4-CNÔ4	8,66	82	Giỏi	2.125.000	2.125.000				2.125.000	
11	Lê Minh	Nhớ	19000907	19T4-CNÔ5	8,18	82	Giỏi	2.125.000	2.125.000				2.125.000	
12	Dương Khánh	Uyên	19001376	19T4-CNM1	8,03	93	Giỏi	2.125.000	2.125.000				2.125.000	
13	Lương Quang	Phát	19001498	19T4-THU1	8,68	88	Giỏi	2.125.000	2.125.000				2.125.000	



A	B		C				D	1	4	5	6	7	8 = 4 - 7	E
14	Đặng Lương Tuấn	Cường	19000915	19T4-LTM1	8,66	85	Giỏi	2.125.000	2.125.000				2.125.000	
15	Vũ Trường	Khanh	19000014	19T4-LTM1	8,72	82	Giỏi	2.125.000	2.125.000				2.125.000	
16	Đoàn Nhã	Trân	19000424	19T4-LTM1	9,00	80	Giỏi	2.125.000	2.125.000				2.125.000	
17	Trịnh Minh	Tiến	19001335	19T4-QTM1	8,97	80	Giỏi	2.125.000	2.125.000				2.125.000	
18	Trương Gia	Kiệt	19001168	19T4-TCĐ1	8,46	94	Giỏi	2.125.000	2.125.000				2.125.000	
19	Nguyễn Vi Bảo	Ngọc	19001347	19T4-TCĐ1	9,45	80	Giỏi	2.125.000	2.125.000				2.125.000	
20	Nguyễn Xuân	Sang	19002460	19T4-TCĐ1	8,15	80	Giỏi	2.125.000	2.125.000				2.125.000	
21	Phạm Tường	Vân	19002017	19T4-TCĐ1	9,14	80	Giỏi	2.125.000	2.125.000				2.125.000	
22	Đoàn Thị Ngọc	Quyên	19002588	19T4-KTD2	8,33	90	Giỏi	2.125.000	2.125.000				2.125.000	
23	Trần Ngọc Thùy	An	19000502	19T4-QTD1	8,90	82	Giỏi	2.125.000	2.125.000				2.125.000	
24	Nguyễn Thị Thu	Hoài	19001443	19T4-QTD1	8,18	80	Giỏi	2.125.000	2.125.000				2.125.000	
	Cộng =		24										51.000.000	

Tổng số tiền (Viết bằng chữ: Năm mươi một triệu đồng)

Người lập



Lê Xuân Thiện

Kế toán trưởng



Nguyễn Kinh

Ngày 04 tháng 10 năm 2021

Thủ trưởng đơn vị



Phạm Hữu Lộc

UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG CAO ĐẲNG LÝ TỰ TRỌNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Khóa 2019T4 - Trung cấp
Mã ĐV có QH với NS: 1058083

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG THANH TOÁN HỌC BỔNG (SINH HOẠT PHÍ)

Học kỳ I năm học 2020-2021

Số TT	Họ và tên		Mã số	Lớp	ĐIỂM TBCHT	KQRL	Đổi tượng	Mức học bổng (sinh hoạt phí)	Tổng số học bổng (sinh hoạt phí) được hưởng	Các khoản phải khấu trừ			Số còn được lĩnh	Ký nhận
												Tổng số		
A	B		C				D	1	4	5	6	7	8 = 4 - 7	E
1	Nguyễn Phan Trung	Kiên	19001573	19T4-TCĐ1	9,32	75	Khá	1.250.000	1.250.000				1.250.000	
2	Võ Kiều Minh	Thư	19000026	19T4-NNA1	8,87	72	Khá	1.250.000	1.250.000				1.250.000	
3	Nguyễn Đức	Liên	19001174	19T4-VSL1	8,64	77	Khá	1.250.000	1.250.000				1.250.000	
4	Hồ Anh	Huy	19000921	19T4-CNÔ5	8,55	79	Khá	1.250.000	1.250.000				1.250.000	
5	Vũ Quang	Vinh	19000832	19T4-CMT1	8,51	75	Khá	1.250.000	1.250.000				1.250.000	
6	Phùng Đức	Dương	19000002	19T4-KML1	8,47	73	Khá	1.250.000	1.250.000				1.250.000	
7	Lâu Ngọc	Phát	19001126	19T4-CCK1	8,43	70	Khá	1.250.000	1.250.000				1.250.000	
8	Nguyễn Hoàng Ngọc	Hân	19001131	19T4-TKĐ2	8,41	70	Khá	1.250.000	1.250.000				1.250.000	
9	Nguyễn Văn	Sỹ	19001527	19T4-CMT1	8,36	72	Khá	1.250.000	1.250.000				1.250.000	
10	Phan Hà	Phương	19001800	19T4-TCĐ1	8,35	77	Khá	1.250.000	1.250.000				1.250.000	
11	Lê Đăng Nhất	Đăng	19000338	19T4-CNÔ2	8,34	74	Khá	1.250.000	1.250.000				1.250.000	
12	Nguyễn Ngọc	Trình	19000574	19T4-CNM1	8,23	78	Khá	1.250.000	1.250.000				1.250.000	
13	Vũ Nguyễn Ngọc	Lan	19000768	19T4-TCĐ1	8,21	72	Khá	1.250.000	1.250.000				1.250.000	
14	Nguyễn Tuyết	Thanh	19001239	19T4-KTD1	8,17	73	Khá	1.250.000	1.250.000				1.250.000	
15	Lê Hoàng	Huy	19003565	19T4-KTD2	8,13	77	Khá	1.250.000	1.250.000				1.250.000	
16	Nguyễn Thành	Nhân	19000514	19T4-LĐL1	8,11	78	Khá	1.250.000	1.250.000				1.250.000	



2

A	B		C				D	1	4	5	6	7	8 = 4 - 7	E
17	Phạm Đăng	Khoa	19001594	19T4-QTM1	8,08	75	Khá	1.250.000	1.250.000				1.250.000	
18	Nguyễn Hoàng	Dung	19000578	19T4-KTD1	8,08	70	Khá	1.250.000	1.250.000				1.250.000	
19	Hồ Trọng	Tính	19001591	19T4-VSL2	8,05	72	Khá	1.250.000	1.250.000				1.250.000	
20	Nguyễn Đình Quang	Anh	19000808	19T4-TKW1	8,00	72	Khá	1.250.000	1.250.000				1.250.000	
21	Nguyễn Hồ Phương	Anh	19000993	19T4-THU1	7,94	100	Khá	1.250.000	1.250.000				1.250.000	
22	Phạm Tấn	Minh	19000474	19T4-CNÔ3	7,91	100	Khá	1.250.000	1.250.000				1.250.000	
23	Nguyễn Nam	Long	19000685	19T4-TKW1	7,97	93	Khá	1.250.000	1.250.000				1.250.000	
24	Phan Nhật	Tân	19003324	19T4-THU1	7,70	90	Khá	1.250.000	1.250.000				1.250.000	
25	Nguyễn Hoàng	Son	19000155	19T4-CKC1	7,15	90	Khá	1.250.000	1.250.000				1.250.000	
	Cộng = 25												31.250.000	

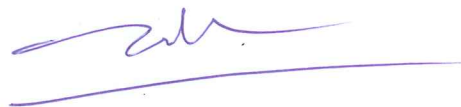
Tổng số tiền (Viết bằng chữ: *Ba mươi mốt triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng*)

Người lập



Lê Xuân Thiện

Kế toán trưởng



Nguyễn Kinh

Ngày 04 tháng 10 năm 2021

Thủ trưởng đơn vị



Phạm Hữu Lộc

